CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BIỂN VIỆT
Trụ sở: 14 Trần Bình Trọng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Văn phòng đại diện tại TP.HCM: 51 Hàm Nghi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
• Tel: +84-4-9410246 • Fax: +84-4-9410248 • Call-Center: +84-4-9306336
• Website: www.cbv.vn • Email: info@cbv.vn
ISO 9001:2000

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 10

1.Thông tin tổng hợp thị trường tháng 10

Trong tháng 10 vừa qua tình hình thị trường chứng khoán trên toàn cầu diễn biến khá phức tạp. Nguyên nhân chính là do giá dầu trên thế giới tăng cao và bối cảnh ảm đạm của nền kinh tế Mỹ, buộc FED phải cắt giảm lãi suất 2 lần trong vòng 2 tháng qua (5.25% → 4.5%) sau 17 lần tăng lãi suất liên tiếp từ 6/2004 đến nay (1% →5.25%).

Ở thị trường Asia/Pacific, chỉ số chính của thị trường chứng khoán Tokyo giảm 164.27 điểm (0.98%). Trong khi chỉ số chứng khoán Hồng Kông – Hang Seng Index tăng 4,495.75 điểm (16.56%).

Ở thị trường North/Latin America chỉ số Dow Jones giảm 103.16 điểm (0.74%), chỉ số Brazil Bovespa Stock giảm 661.17 điểm (1.02%), trong khi chỉ số Nasdaq Composite lại tăng 115.21 điểm (4.26%).

Tại thị trường Euro/Africa/Middle East các chỉ số chính đều tăng như: DJ Euro Stoxx 50 tăng 81.24 điểm (1.85%); FTSE 100 Index tăng 192.20 điểm (2.97%); CAC 40 Index tăng 88.24 điểm (1.54%); DAX Index tăng 116.43 điểm (1.48%).

Index	28/09/2007	30/10/2007	Chênh lệch	%
North/Latin America				
Dow Jones Indus.AVG	13,895.63	13,792.47	-103.16	-0.74%
Nasdaq Composite Index	2,701.50	2,816.71	115.21	4.26%
Brazil Bovespa Stock Idx	65,044.30	64,383.13	-661.17	-1.02%
Europe/Africa/Middle East				
DJ Euro Stoxx 50	4,381.71	4,462.95	81.24	1.85%
FTSE 100 Index	6,466.80	6,659.00	192.2	2.97%
CAC 40 Index	5,715.69	5,803.93	88.24	1.54%
DAX Index	7,861.51	7,977.94	116.43	1.48%
Asia/Pacific				
Nikkei 225	16,785.68	16,621.41	-164.27	-0.98%
Hang Seng Index	27,142.47	31,638.22	4,495.75	16.56%

Thị trường chứng khoán trong nước cũng có nhiều diễn biến phức tạp. Trong tháng 10 vừa qua ghi nhận mức giao dịch kỷ lục lên tới trên 2,000 tỷ đồng vào ngày 29/10/07, trong khi VNindex có mức giảm kỷ kục 28.28 điểm (2.59%).

Làn sóng chuyển sàn của các nhà đầu tư ngày càng mạnh mẽ. Trong khi nhiều công ty chuyển niêm yết từ sàn Hà Nội sang sàn Tp.HCM giao dịch thì các nhà đầu tư tại sàn Tp.HCM lại chuyển sang "lướt sóng" ở sàn Hà Nội. Với lợi thế về biên độ tăng – giảm gấp đôi sàn Tp.HCM (±10%) rất phù hợp với tâm lý của nhiều nhà đầu tư nhỏ hiện nay. Trước diễn biến thị trường hình răng cưa như hiện nay, mục tiêu lợi nhuận của dân "lướt sóng" giảm xuống chỉ còn trên dưới 10%, tuy nhiên tần suất "lướt sóng" lại tăng lên. Chiến lược giao dịch này rất phù hợp với thời điểm hiện nay, đặc biệt là giao dịch tại sàn Hà Nội.

Xu hướng tăng tỉ lệ vốn hóa thị trường cũng là một trong những xu hướng chính của các công ty niêm yết vào thời điểm Quý IV. Việc nhiều công ty mới lên sàn đóng góp lớn vào việc tăng giá trị thị trường. Đặc biệt sắp tới việc Đạm Phú Mỹ chào sàn sẽ đóng góp khoảng 10% giá trị vốn hóa thị trường HOSE. Ngoài việc tăng khối lượng niêm yết, giá cổ phiếu tăng mạnh cũng ảnh hưởng đẩy giá trị vốn hóa thị trường hiện nay tăng lên mức 423,000 tỷ đồng (chiếm 40% GDP) so với mức 255,000 tỷ đồng (22.6% GDP) năm 2006.Cụ thể: trong tháng 10 vừa qua giá chứng khoán sàn Hà Nội tăng 40%, Tp.HCM tăng 13%.

Các nhà đầu tư trở nên lạnh nhạt với đấu giá cổ phiếu. Trên thực tế, những phiên đấu giá gần đây diễn biến kém sôi động hơn rất nhiều so với thời gian trước. Điển hình là phiên đấu giá cổ phần Công ty tài chính Dầu khí (PVFC). Mặc dù giá đặt mua cao nhất lên tới 170.000 đồng, song giá trúng bình quân mỗi cổ phần của PVFC chỉ 69.974 đồng. Giá đặt mua cao nhất tại phiên đấu giá gần 1,9 triệu cổ phần của Công ty thương nghiệp Cà Mau hôm 22/10 là 40.000 đồng, trong khi giá trúng bình quân 22.731 đồng một cổ phần. Cá biệt, phiên đấu giá 2 triệu cổ phiếu của Công ty Thủy sản số 4, nhà đầu tư chỉ đăng ký mua có 472.000 cổ phiếu, giá trúng thầu bằng giá khởi điểm: 34.000 đồng.

Trước những biến động của thị trường trong nước và quốc tế các chỉ số CBV cũng chịu ảnh hưởng và có những biến động rõ rệt. Dưới đây là một số nét chính của thị trường.

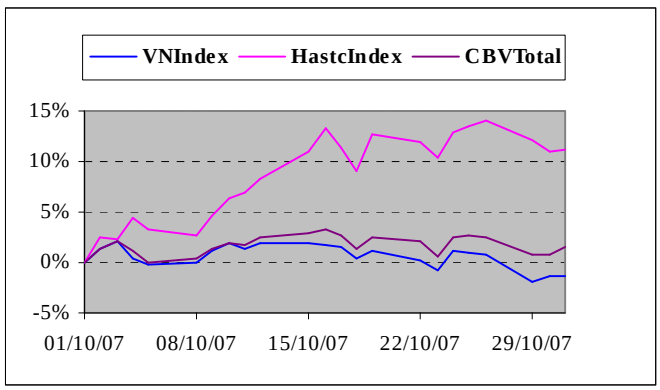

Qua đồ thị bên cho thấy chỉ số CBV-Total phản ảnh một cách khá tổng hợp và toàn diện về thị trường niêm yết ở Việt Nam. Các chỉ số hầu hết đều tăng so với thời điểm cuối tháng 9. Đứng đầu là chỉ số

Hastc-Index tăng 61.94 điểm (20%), VnIndex có tốc độ tăng nhỏ hơn là 21.94 điểm (2.1%). CBV Total phản ảnh khái quát thị trường cũng tăng 8.35 điểm (6.3%). Tuy nhiên mức sinh lợi và rủi ro của chỉ tiêu này đều giảm khá nhiều (trên 60%).

Chỉ tiêu chính CBV-Total	Giá trị	% thay đổi so với T9
Tỷ suất lợi nhuận	6.30%	
Tỷ suất rủi ro	1.73	
Khối lượng giao dịch (triệu)	410.3	115.54%
Giá trị giao dịch (1000 tỷ)	31.714	84.30%
Giá trị vốn hóa thị trường (1000 tỷ)	506.16	8.82%
Giá trị vốn hóa lưu động (1000 tỷ)	288.77	8.83%

Biến động về giá

5 tăng giá nhiều nhất					5 giảm giá nhiều nhất			
Mã CK	Giá	Tăng	%		Mã CK	Giá	Giảm	%
VIS	96.5	61	171.83%		KDC	203	-52	-20.39%
S55	205	125.5	157.86%		NKD	192	-40	-17.24%
SD6	127.9	77.9	155.80%		GTA	46.6	-4.4	-8.63%
MEC	79.4	47.8	151.27%		CAN	31.6	-2.8	-8.14%
SD3	167	98	142.03%		RIC	109	-9	-7.63%

Biến động về nhu cầu thị trường

5 CK giao dịch tăng nhiều nhất					5 CK giao dịch giảm nhiều nhất			
Mã CK	Khối lượng	Tăng	%		Mã CK	Khối lượng	Giảm	%
STB	38,517,790	10,310,500	36.55%		ACL	1,530,670	-288,830	-15.87%
SSI	13,424,020	6,720,320	100.25%		LBM	1,110,600	-227,580	-17.01%
VIC	11,523,310	5,504,720	91.46%		LGC	443,870	-185,780	-29.51%
PVS	6,563,300	5,051,300	334.08%		BBC	1,060,890	-136,640	-11.41%
PAN	5,704,000	4,967,300	674.26%		TS4	239,950	-54,390	-18.48%

Biến động về giá trị giao dịch

5 tăng GTGD nhiều nhất					5 giảm GTGD nhiều nhất			
Mã CK	GTGD (tỷ)	Tăng	%		Mã CK	GTGD (tỷ)	Giảm	%
SSI	2,154,741	967,885	81.55%		BMC	342,606	-83,797	-19.65%
PAN	949,006	894,078	1627.71%		HRC	110,506	-64,051	-36.69%
PVS	1,079,747	885,489	455.83%		ACL	94,371	-54,120	-36.45%
VIC	1,620,403	748,850	85.92%		PPC	212,725	-41,357	-16.28%
ACB	1,214,275	649,616	115.05%		HAP	224,927	-34,590	-13.33%

Mặc dù mất tới 2 tuần (12/10-29/10) không giao dịch vì lý do chuyển sàn từ Hà Nội sang Tp.HCM nhưng SSI vẫn là cổ phiếu có sức hấp dẫn lớn nhất đối với nhà đầu tư. Điều này thể hiện rõ ở việc SSI đứng nhất nhì trong các Top tăng mạnh nhất về khối lượng và giá trị giao dịch. Ngoài ra, do "làn sóng" chuyển sàn của các nhà đầu tư để đầu tư vào các cổ phiếu nhỏ đã khiến nhiều cổ phiếu có được sự bứt phá về giá như VIS, "họ nhà Sông Đà" tiếp tục giữ được vị thế với 3 trong 5 Top tăng giá: S55, SD6, SD3 và MEC.

Bên cạnh các chứng khoán có sức thu hút lớn đối với nhà đầu tư, thị trường còn ghi nhận sức nua giảm của nhiều mã chứng khoán. Đáng nói tới là Blue-chip "họ nhà Kinh Đô" có tới 2 mã thuộc Top giảm giá là: KDC và NKD chiếm 2 trị trí đầu bảng. Còn BBC thì nằm trong Top giảm về sức hấp dẫn nhà đầu tư về khối lượng giao dịch.

2. Thông tin quy mô doanh nghiệp

Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/10, các chỉ số CBV Index đã có một phiên giao dịch biến động nhẹ sau một tháng sôi động, tiếp tục đà tăng của tháng 9. Nổi bật là CBV- SmallCap, mặc dù bị giảm nhẹ vào cuối phiên giao dịch ngày hôm nay nhưng vẫn giữ được mức tăng cao so với đầu tháng, đạt 29.7%. Đặc biệt, CBV-SmallCap đã đạt được mức tăng kỷ lục 33.58% vào ngày giao dịch 26/10. Cũng như CBV-SmallCap, CBV-MidCap đã có mức tăng khá mạnh trong tháng 10, mức tăng cao nhất đạt được vào ngày 25/10, tăng 28.1% so với đầu tháng. Không tăng mạnh như CBV-SmallCap và CBV-MidCap, CBV-LargeCap khá ổn định với biên độ giao động nhỏ.

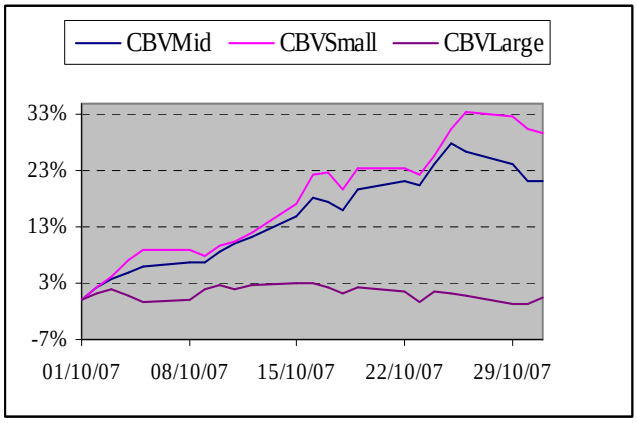

Cùng xu hướng với CBV-SmallCap, CBV-SmallCap tăng trưởng và giá trị cũng đạt được mức tăng khá cao so với đầu tháng, CBV-SmallCap- tăng trưởng dẫn đầu trong nhóm với mức tăng 34.35%. Đứng thứ 2 là CBV-MidCap- tăng trưởng, vị trí tiếp theo là CBV-MidCap-giá trị. Đứng cuối cùng là CBV-LargeCap-giá trị, chỉ tăng 0.07% so với đầu tháng, chỉ số này đã chững lại và đi

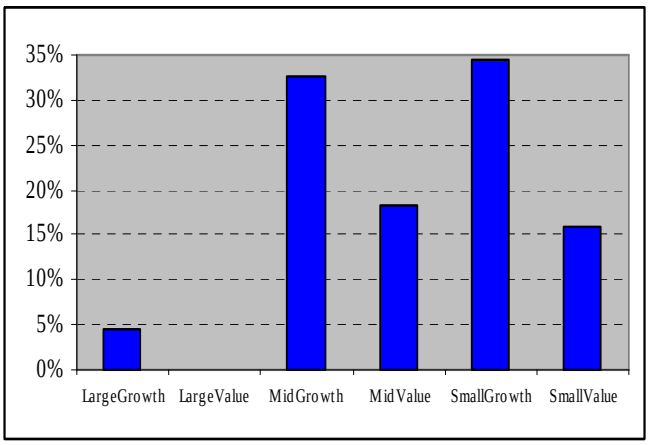

vào trạng thái ổn định sau khi đã có một tháng bùng nổ, đạt mức tăng 16.42%- cao thứ 2 trong tháng 9.

Mặc dù tốc độ tăng của CBV-LargeCap không cao như trong tháng 9, nhưng giá trị giao dịch của nó tăng tương đối cao, tăng hơn 1.8 lần, và vẫn giữ được tỷ trọng hơn 60% so với giá trị giao dịch toàn thị trường. Đứng đầu về mức tăng giá trị giao dịch trong tháng 10 là CBV-MidCap-Growth, tăng hơn 6 lần so với tháng 9 (tương ứng với 511.48%). Giá trị giao dịch của các chỉ số khác cũng đạt được mức tăng 2 đến 3 lần so với tháng trước. Điều này cho thấy lượng tiền đổ vào thị trường chứng khoán càng ngày càng tăng, làm vững tin hơn cho các nhà đầu tư về triển vọng phát triển hơn nữa của thị trường chứng khoán nước ta trong tương lai.

Indices	Total Trading Value	Percent to CBV-Total
CBV-LargeCap	19,776,005,169,000	62.36%
CBV-LargeCap Growth	8,939,960,254,000	28.19%
CBV-MidCap	4,665,713,397,000	14.71%
CBV-LargeCapValue	2,002,821,287,000	6.32%
CBV-MidCap Growth	1,812,419,484,000	5.71%
CBV-MidCap Value	1,796,651,883,000	5.67%
CBV-SmallCap	1,324,217,266,000	4.18%
CBV-SmallCap Growth	523,080,810,000	1.65%
CBV-SmallCap Value	434,488,340,000	1.37%

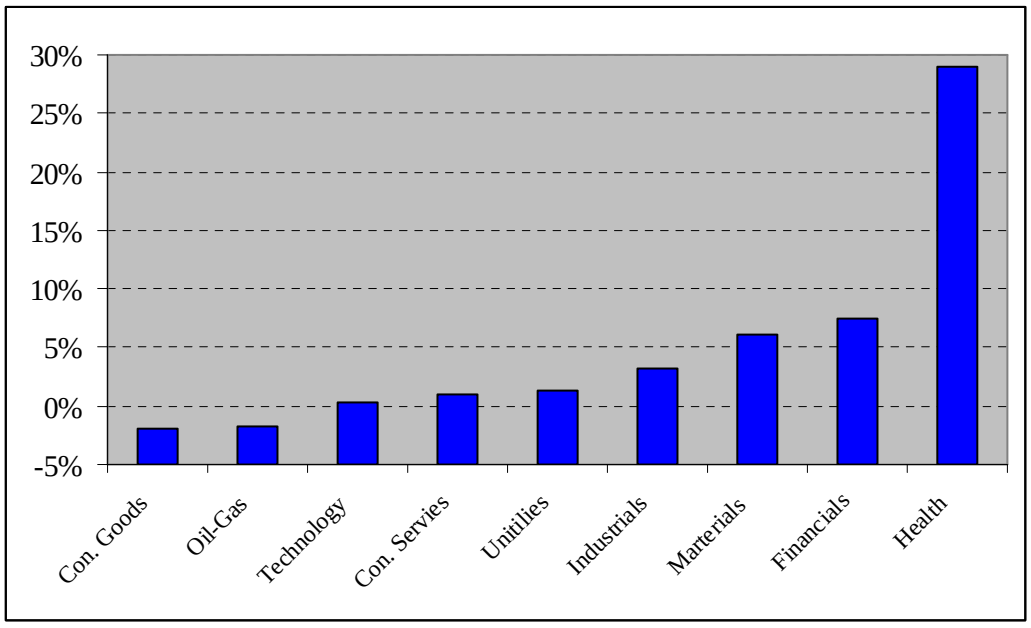

3. Thông tin ngành

Không còn sự bùng nổ như trong tháng 9, trong tháng 10 các chỉ số ngành hầu như đều giữ

biên độ dao động ở mức tương đối nhỏ, ngoại trừ CBV-Y tế. Trong cả tháng 9, CBV-Y tế chỉ tăng được 1.63% thì trong tháng 10, CBV-Y tế đã có bước nhảy vọt, tăng tới 29.03%, dẫn đầu mức tăng của các ngành. Đứng cuối cùng về mức tăng trong tháng là CBV-Hàng tiêu dùng và CBV-Dầu khí, 2 chỉ số này đã có sự giảm nhẹ so với đầu tháng.

Dẫn đầu về giá trị giao dịch trong tháng qua là CBV- Tài chính, giá trị giao dịch lên đến gần 9 tỷ đồng, chiếm 28.37% giá trị giao dịch toàn thị trường. Điều này cho thấy, Tài chính luôn là ngành được các nhà đầu tư quan tâm đến nhiều nhất. Các vị trí tiếp theo thuộc về Dầu khí và Dịch vụ tiêu dùng. Đứng cuối bảng là CBV- Y tế, mặc dù đứng đầu thị trường về mức tăng nhưng giá trị giao dịch của nó trong thá ng chỉ chiếm 0.88% giá trị giao dịch của toàn thị trường.

Indices	Total Trading Value	Percent to CBV-Total
CBV- Financials	8,997,577,543,000	28.37%
CBV- Oil-Gas	2,326,262,403,000	7.34%
CBV- Consummer Sevies	2,290,705,447,000	7.22%
CBV- Industrials	1,683,482,790,000	5.31%
CBV- Consummer Goods	1,608,043,856,000	5.07%
CBV- Materials	1,605,533,896,000	5.06%
CBV- Unitilies	579,652,918,000	1.83%
CBV- Technology	405,197,766,000	1.28%
CBV- Healths	279,548,550,000	0.88%